ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số : 639 /QĐ - ĐHYD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2019 - 2020 cho sinh viên hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP của Chính phủ ngày 4/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-ĐHYD ngày 06/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/1998/TT-LT/BGD&ĐT-BTC-BLĐ-TB&XH ngày 25/8/1998 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính-Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo-Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009 của Liên Bộ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 25/8/1998 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp xét hưởng chế độ chính sách cho sinh viên ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Trường Đại học Y Dược;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HS-SV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Trợ cấp xã hội học kỳ II, năm học 2019 - 2020 cho 53 sinh viên hệ chính quy với tổng số tiền là 48.020.000 *(bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).*

Mức trợ cấp 140.000 đồng/tháng: 39 sinh viên.

Mức trợ cấp 100.000 đồng/tháng: 14 sinh viên.

(Có danh sách chi tiết đính kèm)

Điều 2. Thời gian hưởng: 07 tháng (từ tháng 01/2020 đến hết tháng 7/2020).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thi hành);
- CNTT-TV (đăng website);
- Lưu VT, CT HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y-DƯỢC

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

DANH SÁCH SINH VIÊN
HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2019 - 2020
Theo Quyết định số: 639 /QĐ - ĐHYD ngày 21 tháng 5 năm 2020

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng/đợt	Ghi chú
1	DTY1457201010022	Trần Thị	Ánh	K47A	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.13
2	DTY1457201010073	Thạch Đức	Hà	K47B	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.35
3	DTY1457201010360	Phạm Thị	Tuyết	K47B	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.38
4	DTY1457201010295	Nguyễn Minh	Thiện	K47D	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.61
5	DTY1457201010323	Nguyễn Tiến	Tới	K47D	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.04
6	DTY1457201010329	Dương Thị Huyền	Trang	K48B	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.25
7	DTY1557201010204	Lý Thị	Hồng	K48C	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.28
8	DTY1757201010288	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	K50A	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.47
9	DTY1757201010094	Nguyễn Thị Thu	Hằng	K50D	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.76
10	DTY1757201010334	Nguyễn Thị	Thiếp	K50D	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.18
11	DTY1757201010368	Khương Thùy	Trang	K50D	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.68
12	DTY1857201010060	Hoàng Thị Quỳnh	Dương	K51B	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.21
13	DTY1857202010116	Lê Thị	Ngọc	Dược K14B	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.10
14	DTY1457206010030	Nguyễn Thị	Trang	RHM K7	SV nghèo vượt khó	100.000	7	700.000	3.78
15	DTY1757203320028	Ma Thị Tuyết	Nhung	XNYH K1	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
16	DTY1957206010035	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	XNYH K3	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
17	DTY1957206010036	Đinh Thị	Nhân	XNYH K3	Thổ - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng/đợt	Ghi chú
18	DTY1957206010056	Vi Thị	Yến	XNYH K3	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
19	DTY1957203010206	Đỗ Khánh	Linh	CNĐD K16A	Dao - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
20	DTY1957203010025	Nguyễn Đặng Thùy	Dương	CNĐD K16C	Dao - Thôn ĐBKK	140.000	7	980.000	
21	DTY1957203010123	Nguyễn Thị	Nhàn	CNĐD K16C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
22	DTY1957203010166	Hoàng Thị	Thuyện	CNĐD K16C	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
23	DTY1957203010151	Lữ Thị	Thu	CNĐD K16D	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
24	DTY1757204010040	Hoàng Thảo	Huế	Dược K13A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
25	DTY1957202010155	Nông Thị	Ơn	Dược K15A	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
26	DTY1957202010216	Bùi Thị	Yến	Dược K15B	Mường - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
27	DTY1957202010133	Phàn Thị	Mẩy	Dược K15C	Dao - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
28	DTY1557203020031	Hà Thị	Hường	YHDP K9	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
29	DTY1457201010179	Lưu Thùy	Linh	K47C	Sán dìu - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
30	DTY1557201010466	Lèng Văn	Thái	K48G	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
31	DTY1757201010027	Hoàng Ngọc	Ánh	K50D	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
32	DTY1857201010177	Đinh Văn	Linh	K51A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
33	DTY1857201010104	Nguyễn Thị Hạnh	Hoa	K51B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
34	DTY1857201010253	Phạm Văn	Quang	K51B	Mường - Vùng cao	140.000	7	980.000	
35	DTY1857201010108	Đàm Thị Thu	Hoài	K51C	Cao lan - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
36	DTY1957201010004	Lô Thị Hưng	Anh	K52A	Thái - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
37	DTY1957201010159	Phạm Ngọc	Hoàng	K52A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
38	DTY1957201010183	Bùi Duy	Hưng	K52A	Mường - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Mức hưởng/tháng	Số tháng hưởng	Tổng số tiền được hưởng/đợt	Ghi chú
39	DTY1957201010371	Ma Thị	Thanh	K52A	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
40	DTY1957201010384	Đỗ Phương	Thảo	K52A	Sán dìu - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
41	DTY1957201010087	Nguyễn Hồng	Đức	K52B	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
42	DTY1957201010149	Lò Thị	Hoa	K52B	Thái - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
43	DTY1957201010356	Lê Ngọc	Sáng	K52B	Hoa - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
44	DTY1957201010321	Ma Thị Hồng	Nhung	K52D	Dao - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
45	DTY1957201010300	Hoàng Thảo	Ngân	K52D	Dao - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
46	DTY1957201010317	Nông Dương	Như	K52E	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
47	DTY1957201010360	Thái Thị Huyền	Sương	K52E	Thái - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
48	DTY1957201010046	Giàng Thị	Chúa	K52H	Mông - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
49	DTY1957201010082	Quản Trọng	Đạt	K52H	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
50	DTY1957201010037	La Thị	Biến	K52I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
51	DTY1957201010114	Đỗ Quang	Hải	K52I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
52	DTY1957201010302	Lân Văn	Nghị	K52I	Nùng - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
53	DTY1957201010377	Nông Thị Minh	Thảo	K52I	Tày - Xã ĐBKK	140.000	7	980.000	
Tổng								**48.020.000**	

Ấn định danh sách gồm 53 sinh viên với số tiền là bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng.